TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2024.
Về việc: "*T/c về Ly hôn; nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đặng Hồng Phước và ông Nguyễn Hoàng Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 88/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, về việc: "*Tranh chấp về Ly hôn; nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Liêu Thị T, sinh năm 1987;

Nơi đăng ký thường trú: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký thường trú: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

(Vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T1; đã tống đạt hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Liêu Thị T và lời khai tại phiên tòa có nội dung như sau*: Chị Liêu Thị T sống chung với anh Nguyễn Văn T1 từ năm 2007, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có kê khai đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, An Giang (giấy kết hôn số 83 ngày 16/5/2007). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Nguyễn Văn T1 không lo làm ăn, bỏ bê và không quan tâm vợ con, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên đã sống ly thân cho đến nay. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên

Nguyễn Thị Thùy D sinh ngày 06/4/2009 và Nguyễn Văn Đ sinh ngày 05/8/2010, hiện 02 con đang sống chung với chị Liêu Thị T.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Liêu Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1; về con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản thì tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* *Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn T1 thì*: Toà án đã nhiều lần gửi Thông báo đến gia đình nhằm tạo điều kiện hoà giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa 02 người nhưng anh Nguyễn Văn T1 đều vắng mặt không lý do. Qua chứng cứ thu thập được thì anh Nguyễn Văn T1 có nơi cư trú tại ấp C, xã C, huyện C, An Giang; hiện tại anh Nguyễn Văn T1 thường xuyên không có mặt ở địa phương nhưng không cung cấp nơi sinh sống và làm việc mới, giấy tờ của Tòa án giao gia đình không ai ký nhận nên Tòa án đã thông qua Thừa phát l thực hiện các thủ tục tố tụng để mở phiên tòa xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và nuôi con chung, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, phiên tòa vẫn được tiến hành theo quy định.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Liêu Thị T đã thừa nhận có sống chung như vợ chồng với anh Nguyễn Văn T1 từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị Liêu Thị T xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014. Cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị Liêu Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, Tòa án nhiều lần mời anh Nguyễn Văn T1 để hòa giải cho anh, chị đoàn tụ nhưng anh Nguyễn Văn T1 không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, vẫn không có mặt. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Liêu Thị T là được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

[3] *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*: Chị Liêu Thị T thừa nhận 02 cháu tên Nguyễn Thị Thùy D sinh ngày 06/4/2009 và Nguyễn Văn Đ sinh ngày 05/8/2010 là con chung của chị và anh Nguyễn Văn T1, giấy khai sinh của các cháu cũng đã thể hiện điều này; do đó cần công nhận các cháu là con chung của chị T và anh T1, đồng thời phía chị Liêu Thị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi anh chị không còn sống chung nữa thì các cháu đã sống chung với chị Liêu Thị T cho đến nay và nguyện vọng của các cháu đều mong muốn tiếp tục sống chung với chị T để thuận tiện việc học tập, đồng thời phía anh Nguyễn Văn T1 cũng không có ý kiến phản đối; do đó, để ổn định tâm lý và cuộc sống cho các cháu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Liêu Thị T là giao 02 con chung cho chị Liêu Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Ngoài ra, phía chị Liêu Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

[4] *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do chị Liêu Thị T có yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

- *Xử*:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Liêu Thị T là được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

* *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng:* Công nhận 02 cháu Nguyễn Thị Thùy D sinh ngày 06/4/2009 và Nguyễn Văn Đ sinh ngày 05/8/2010 là con chung của chị Liêu Thị T và anh Nguyễn Văn T1;

+ Giao 02 cháu Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Văn Đ cho chị Liêu Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi (hiện tại các cháu đang sống chung với chị T); anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Liêu Thị T do không có yêu cầu.

+ Chị Liêu Thị T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

** Về quan hệ tài sản, nợ chung:* Tự thỏa thuận.

** Về án phí, lệ phí sơ thẩm:* Chị Liêu Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0004546 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang; được khấu trừ nên chị Liêu Thị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Liêu Thị T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng anh Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Cần Đăng;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hồ Hoàng Huy Hùng